TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 101/2024/HS-ST
Ngày 15 - 4 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao

Bà Tống Thị Điệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa***: Bà Kiều Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HS ngày 03/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị T - Sinh ngày: 07/6/1972, tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu: 5C-3, tầng B P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: 5C-3, tầng B P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Trần Văn R (đã chết); họ và tên mẹ: Vũ Thị P (đã chết); bị cáo có chồng là Lã Doãn T1, sinh năm: 1971 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 1991, con nhỏ sinh năm: 1998.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến ngày 20/10/2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cho bảo lĩnh cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lê Thị O - Sinh ngày: 20/11/1972, tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Lê Quý T2 (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N (đã chết); bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án: 01. Ngày 29/09/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xử 02 năm 06 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam T6 vào ngày 23/01/2022.

Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bắt bị cáo để tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim A (Tên gọi khác: N1) - Sinh ngày: 30/5/1974, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Số G T, phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số G T, phường I, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh;tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Lê Văn N2 (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Kim T3 - Sinh năm: 1952; bị cáo có chồng là: Đặng Văn K - Sinh năm: 1958 (Đã ly hôn); bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm: 1990, con nhỏ nhất sinh năm: 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/3/2004, bị Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử 01 năm 06 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam T6 vào ngày 21/3/2014.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bắt bị cáo để tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Xuân V - Sinh ngày: 07/8/1969, tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký hộ khẩu: 29/571 T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: 29/571 T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Nguyễn Xuân P1, sinh năm: 1940; họ và tên mẹ: Tạ Thị L (đã chết); bị cáo có vợ là: Nguyễn Thị H, sinh năm:1970 (đã ly hôn); bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 1999, con nhỏ nhất sinh năm: 2006.

Tiền án: 01. Ngày 30/9/2020, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 03 năm tù giam, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam Đ – Bộ C2 vào ngày 16/10/2022.

Nhân thân: Ngày 08/5/1987 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam Ninh, xử phạt 03 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản XHCN; Ngày 12/7/1996 bị Toà án nhân dân tỉnh Nam Hà, xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 01/08/2007 bị Toà án nhân dân thành phố Nam Định, xử phạt 36 tháng tù giam, về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý; Ngày 14/5/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Nam Định, xử phạt 39 tháng tù giam, về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bắt bị cáo để tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, từ ngày 25 tháng 8 năm 2023 cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1958, địa chỉ: Số A M, tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Gia T4, sinh năm: 1964, địa chỉ: Số F Phố C, phường C, thành phố N.

2. Ông Lê Hồng C, sinh năm: 1975, địa chỉ: Thôn Kế Sung, xã Phú Diên, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1954, địa chỉ: Số G T, phường I, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trần Văn M, sinh năm: 1980, địa chỉ: Số I T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Lê Thị Thúy H1, địa chỉ: Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi làm việc: Khách sạn B - Số H N, phường T, T, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Phan Ngọc H2, sinh năm: 1955, địa chỉ: Tổ C, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Số C K, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Nguyễn Quốc H3, sinh năm 1980, địa chỉ: Số D Khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

8. Bà Phan Thị Thanh T5, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ E, Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Huỳnh Minh P2, sinh năm 1994, địa chỉ: Số H T, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1982, địa chỉ: Số C T, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Lã Thị Ngọc L1, sinh năm 1998, địa chỉ: Số B T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: Xóm B, khu A, thị trấn L, huyện Ý, tỉnh Nam Định.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2023, do không có việc làm ổn định cần tiền tiêu xài cá nhân, nên Trần Thị T nảy sinh ý định giả làm thuốc của Bệnh viện có uy tín trên cả nước (nhưng thực tế đây không phải là thuốc do Bệnh viện đó sản xuất ra và không có trên thị trường), sau đó lừa bán cho người tin tưởng mua các sản phẩm đó, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của họ. Sau đó, T đã rủ Nguyễn Thị Kim A và Lê Thị O cùng tham gia, thì tất cả đồng ý. T đã đặt mua trên mạng xã hội các loại: Táo đỏ khô, hạt Đỗ N3, hạt Ý D1 và 10 hộp giấy màu xanh có ghi tên thuốc là "Phong Quế Chi", in chữ "Viện khoa học 103, 108", rồi T tự đóng gói, dùng băng keo dán lại được 10 hộp sản phẩm. Lúc này, T đang ở Thành phố Hồ Chí Minh đã bàn bạc, thống nhất với Kim A và O về việc đi đến địa bàn thành phố B để thực hiện hành vi lừa đảo. Vào ngày 25/7/2023, T mang theo 10 hộp sản phẩm trên, điều khiển xe mô tô biển số 59D1 – 917.93, O điều khiển xe mô tô biển số 60B7 – 568.37, Kim A điều khiển xe mô tô biển số 59Y2 – 183.00, đi đến thành phố B, thuê phòng ở khách sạn B, địa chỉ phường T, thành phố B để ở. Đến ngày 27/7/2023, Nguyễn Xuân V (là người sống với O như vợ chồng) điều khiển xe mô tô biển số 60B1 – 533.44 đến ở cùng O, T và Kim A tại khách sạn B; cùng ngày, Vũ Gia T4, sinh năm 1964, trú tại F Phố C, phường C, thành phố N (là người sống với T như vợ chồng) và Lê Hồng C, sinh năm 1975, trú tại thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế rủ nhau cùng điều khiển xe mô tô biển số 18B3 – 032.89 đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để thăm T và Kim A. Sau đó, T rủ thêm V cùng tham gia thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì V đồng ý. Trước khi thực hiện, tại khách sạn B, T đã bàn bạc phân công nhiệm vụ cho từng người để thực hiện việc lừa đảo như sau: Phân công cho V đóng giả làm Bác sĩ, có nhiệm vụ đứng ở khu vực gần nơi T tiếp cận người mua các hộp sản phẩm đã chuẩn bị trước đó, đối tượng tiếp cận là những phụ nữ lớn tuổi, T sẽ dẫn đến gặp V giới thiệu là Bác sĩ và V sẽ bán các sản phẩm đó cho họ với giá mà T đã bàn bạc với V trước đó; còn Kim A thì sẽ hỗ trợ T tiếp cận gần người mua, đưa ra thêm các thông tin gian dối để củng cố lòng tin cho người mua, tin tưởng các hộp sản phẩm này là thuốc do các Bệnh viện lớn sản xuất và có tác dụng chữa các bệnh như mờ mắt, nhức mỏi, đột quỵ... Còn Lê Thị O có vai trò cảnh giới cho đồng bọn thực hiện hành vi lừa đảo, nếu bị phát hiện thì O sẽ báo cho đồng

bọn nhanh chóng tẩu thoát. Riêng T4 và C thì không được bàn bạc, thoả thuận và phân công vai trò gì; đồng thời T4 và C không biết việc phạm tội của T, O, V và Kim A.

Với phương thức, thủ đoạn như trên, T lấy 02 hộp sản phẩm đã chuẩn bị trước đó, bỏ vào giỏ xách màu đen đem theo. Vào khoảng 07 giờ ngày 28/7/2023, T cùng O, V và Kim A đi 04 xe mô tô trên để tìm các đối tượng để lừa bán sản phẩm cho họ. Khi T, V, O và Kim A đi đến ngã tư đường M và đường G, phường T, thành phố B thì gặp bà Phạm Thị D, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố I, phường T, thành phố B đang đi bộ, T liền tiếp cận, nói chuyện làm quen, T nói "cô bị mờ mắt, không uống thuốc dễ bị tai biến". Lúc này, Kim A dựng xe máy gần đó rồi đi bộ lại gặp bà D và T. Kim A nói với T là "chị ơi em nghe chị nói uống thuốc Phong Quế Chi chữa hết đau khớp phải không", T nói "sao em biết", Kim A nói "em có người nhà dùng cái này rồi", mục đích đối thoại giữa T và Kim A là để cho bà D nghe, tạo lòng tin cho bà D. Nghe vậy, bà D hỏi mua thuốc ở đâu, T cho biết nhà Bác sỹ bán thuốc ở gần đây để T dẫn bà D đi mua thuốc, đây là thuốc do "Viện khoa học 103, 108" sản xuất. Để tăng lòng tin cho bà D, T đã viết một tờ giấy với nội dung "Bác sĩ Hà Bảo hiểm vùng T 0937651877 quầy số 1", mục đích là bà D mua thuốc của Bác sĩ V thì tới Bệnh viện V2 sẽ được khám bệnh miễn phí cho. Nghe vậy, Bà D tin tưởng nên nhờ Kim A chở bà D đi theo T, đi đến đầu đường Đ, phường T, thành phố B gặp V đang đứng chờ sẵn, T giới thiệu V là Bác sỹ, V cho bà D biết 01 hộp thuốc chữa bệnh có giá là 11.500.000 đồng. Bà D nói không đủ tiền, thì Kim A nói không đủ tiền thì Kim A cho mượn đưa trước, Kim A làm động tác quay người lại để giả vờ đưa tiền cho V, thực tế Kim A không đưa tiền cho V mà che người lại để bà D tin là V đã nhận tiền rồi, sau đó V đưa cho bà D 01 hộp sản phẩm. Sau đó, Kim A chở bà D về nhà của bà D, địa chỉ 1 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Lúc này O vẫn đứng ngoài cảnh giới phòng bị phát hiện còn báo ngay cho đồng bọn. Tại đây, bà D lấy tiền trả Kim A bằng cách đập heo đất lấy số tiền tiết kiệm là 9.900.000 đồng đưa cho Kim A nói rằng Cô chỉ còn từng đây tiền, ngày mai Cô trả nốt, thì Kim A đồng ý và cầm tiền rồi ra về. Sau khi Kim A đi về đã đưa lại số tiền trên cho T. Tại khách sạn B, T sử dụng số tiền chiếm đoạt được của bà D để trả tiền thuê phòng, tiền ăn, tiền xăng xe, số tiền còn lại chia nhau theo quy định đã ăn sáng rồi thì chia 300.000 đồng, chưa ăn sáng thì được chia 500.000 đồng, cụ thể: V được nhận số tiền 300.000 đồng, Kim A được nhận số tiền 300.000 đồng, O được nhận số tiền 500.000 đồng và T được nhận số tiền 500.000 đồng. Cùng ngày, T, Kim A, O, V phát hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình bị đăng trên mạng xã hội, do sợ bị Công an phát hiện nên cùng nhau tẩu thoát khỏi địa bàn thành phố B, đi về lại Thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi đã vứt bỏ 06 hộp thuốc (do bị ướt) và túi đựng các hộp thuốc, hiện không xác định được vị trí nào. Ngày 24/8/2023, T, O, V và Kim A đã được Cơ quan điều tra triệu tập làm việc và tự nguyện khai báo về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền nghĩa vụ liên quan.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKS-HS ngày 06/3/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đúng theo nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị áp dụng:

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** từ: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim A** từ: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thị O** từ: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân V** từ: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

* Về xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử,

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu N4 – Bạc – Đen, biển số 59Y2 – 183.00 thì quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm: 1952, trú tại: G T, phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Thị Kim A) làm chủ sở hữu hợp pháp. Việc bị cáo Kim A mượn xe mô tô trên của bà T3 để sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà T3 không biết. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 59Y2 – 183.00 nêu trên cho bà Nguyễn Thị Kim T3 là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Wave S, màu Đen – Xám, biển số 60B7 – 768.37 nêu trên thì quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên do anh Trần Văn M, sinh năm: 1980, trú tại: I T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (là em họ của bị cáo Lê Thị O) làm chủ sở hữu hợp pháp. Việc bị cáo O mượn xe mô tô trên của anh M để sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì anh M không biết. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B7 – 768.37 nêu trên cho anh Trần Văn M là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Visoion, màu xanh, biển số 59D1 – 917.93, dung tích xi lanh 108cm^3, số khung RLHJF5806EY023120, số máy JF58E0023210 là tài sản của bị cáo Trần Thị T; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu Đen – Bạc, biển số 60B1 – 533.44, dung tích xi lanh 108cm^3, số khung RLHJF330XCY078579, số máy JF33E0078616 là tài sản của bị cáo Nguyễn Xuân V. Các bị cáo T và V đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu trắng, số Imei 357272092319650 là tài sản của bị cáo Trần Thị T sử dụng vào hành vi phạm tội; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh, số Imei 352473676678744 của bị cáo Lê Thị O sử dụng vào hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353102116449478 của bị cáo Lê Thị O; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen, số Imei 869347032049319 của bị cáo Nguyễn Thị Kim A; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353159117191699 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số Imei 352982099356555 của bị cáo Nguyễn Xuân V. Quá trình điều tra xác định các điện thoại trên không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đề nghị trả lại cho các bị cáo O, Kim A và V những chiếc điện thoại di động trên.

- Đối với 04 hộp giấy màu xanh có ghi tên thuốc là "Phong Quế Chi học khoa học 103" "Phong Quế C1 học khoa học 108" "Phong Quế Chi V1 khoa học 103", bên trong có các hạt Ý Dĩ và Táo đỏ khô là sản phẩm do bị cáo tự làm ra, không có giá trị sử dụng. Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu, tiêu huỷ.

- Đối với 01 tờ giấy ghi "Bác sĩ Hà Bảo hiểm vùng T 0937651877 quầy số 1", tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 600.000 đồng tạm giữ từ bị cáo Trần Thị T quá trình điều tra xác định đây là số tiền do phạm tội mà có tuy nhiên, gia đình bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị D nên Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo T số tiền trên.

- Đối với số tiền các bị cáo có được do hành vi phạm tội mà có: V số tiền 300.000 đồng, Kim A số tiền 300.000 đồng, O số tiền 500.000 đồng. Các bị cáo đã

sử dụng tiêu xài cá nhân hết và không truy thu được, nên không đề cập xử lý.

Phần dân sự của vụ án: Gia đình bị cáo Trần Thị T đã đại diện cho các bị cáo, tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 9.900.000 đồng cho bà Phạm Thị D, bà D đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Các vấn đề khác đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung như đã nêu tại bản Cáo trạng.

Các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị O, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Xuân V không tranh luận nội dung gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị O, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Xuân V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Do ý thức coi thường pháp luật, động cơ tham lam tư lợi cá nhân, lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên vào ngày 28/7/2023, tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Trần Thị T đã bàn bạc, phân công cho Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A, giả thuốc của bệnh viện có uy tín, để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 9.900.000 đồng của bà Phạm Thị D, thì bị phát hiện xử lý.

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị O, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Xuân V về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Cụ thể:

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức".

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét, cân nhắc và áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Xuân V và bị cáo Lê Thị O có 01 tiền án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; các bị cáo được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Trần Thị T, Lê Thị O, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Xuân V, được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là khác nhau nên cần phân hóa đối với từng bị cáo trước khi lượng hình, cụ thể như sau: Đối với bị cáo Trần Thị T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất; các bị cáo Lê Thị O, Nguyễn Thị Kim A và Nguyễn Xuân V có vai trò thấp hơn bị cáo T và cùng thực hiện hành vi phạm tội như nhau nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, tuy nhiên bị cáo V có nhân thân xấu, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo O và bị cáo cáo A.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A ra khỏi xã hội một khoảng thời gian mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[6] Các biện pháp tư pháp:

+ Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu N4 – Bạc – Đen, biển số 59Y2 – 183.00 thì quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên do bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm: 1952, trú tại: G T, phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Thị Kim A) làm chủ sở hữu hợp pháp.

Việc bị cáo Kim A mượn xe mô tô trên của bà T3 để sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà T3 không biết. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 59Y2 – 183.00 nêu trên cho bà Nguyễn Thị Kim T3 là chủ sở hữu hợp pháp, là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Wave S, màu Đen – Xám, biển số 60B7 – 768.37 nêu trên thì quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên do anh Trần Văn M, sinh năm: 1980, trú tại: I T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (là em họ của bị cáo Lê Thị O) làm chủ sở hữu hợp pháp. Việc bị cáo O mượn xe mô tô trên của anh M để sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì anh M không biết. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô biển số 60B7 – 768.37 nêu trên cho anh Trần Văn M là chủ sở hữu hợp pháp, là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Visoion, màu xanh, biển số 59D1 – 917.93, dung tích xi lanh 108cm^3, số khung RLHJF5806EY023120, số máy JF58E0023210 là tài sản của bị cáo Trần Thị T; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu Đen – Bạc, biển số 60B1 – 533.44, dung tích xi lanh 108cm^3, số khung RLHJF330XCY078579, số máy JF33E0078616 là tài sản của bị cáo Nguyễn Xuân V. Các bị cáo T và V đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước, là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu trắng, số Imei 357272092319650 là tài sản của bị cáo Trần Thị T sử dụng vào hành vi phạm tội; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh, số Imei 352473676678744 của bị cáo Lê Thị O sử dụng vào hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu, sung ngân sách Nhà nước, là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353102116449478 của bị cáo Lê Thị O; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen, số Imei 869347032049319 của bị cáo Nguyễn Thị Kim A; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353159117191699 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số Imei 352982099356555 của bị cáo Nguyễn Xuân V. Quá trình điều tra xác định các điện thoại trên không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đề nghị trả lại cho các bị cáo O, Kim A và V những chiếc điện thoại di động trên là phù hợp.

- Đối với 04 hộp giấy màu xanh có ghi tên thuốc là "Phong Quế Chi học khoa học 103" "Phong Quế C1 học khoa học 108" "Phong Quế Chi V1 khoa học 103", bên trong có các hạt Ý Dĩ và Táo đỏ khô là sản phẩm do bị cáo tự làm ra, không có giá trị sử dụng. Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu, tiêu huỷ, là phù hợp.

- Đối với 01 tờ giấy ghi "Bác sĩ Hà Bảo hiểm vùng T 0937651877 quầy số 1", tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 600.000 đồng tạm giữ từ bị cáo Trần Thị T quá trình điều tra

xác định đây là số tiền do phạm tội mà có tuy nhiên, gia đình bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị D nên Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo T số tiền trên, là phù hợp.

- Đối với số tiền các bị cáo có được do hành vi phạm tội mà có: V số tiền 300.000 đồng, Kim A số tiền 300.000 đồng, O số tiền 500.000 đồng. Các bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết và không truy thu được, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Phần dân sự của vụ án: Gia đình bị cáo Trần Thị T đã đại diện cho các bị cáo, tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 9.900.000 đồng cho bà Phạm Thị D, bà D đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[7] Các vấn đề khác:

Hành vi các bị cáo đóng gói thảo dược nhằm mục đích lấy được lòng tin của bị hại để chiếm đoạt tiền của bị hại; quá trình điều tra không thể hiện việc sản xuất, đóng gói thảo dược để các bị cáo bán ra thị trường nhằm thu lợi bất chính nên không đề cập xử lý về hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với hành vi của anh Vũ Gia T4 và anh Lê Hồng C là người ở cùng các bị cáo tại Khách sạn B. Quá trình điều tra xác định, anh T4 và anh C không được tham gia bàn bạc, không được phân công nhiệm vụ và không biết các bị cáo bán thuốc gì cho người bị hại với mục đích gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Quốc H3 bán 01 xe mô tô biển số 60B1 – 533.44 cho anh Phạm Ngọc H5; anh H5 đã bán cho Nguyễn Xuân V để sử dụng, nhưng anh H3, anh H5 không biết bị cáo V sử dụng vào hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với hành vi của bà Phan Thị Thanh T5 bán xe 01 xe mô biển số 59Y2 – 183.00 cho ông Huỳnh Minh P2, ông P2 đã cho bà Nguyễn Thị Kim T3; bà T3 cho Nguyễn Thị Kim A mượn để sử dụng, nhưng bà T5, ông P2, bà T3 không biết bị cáo Kim A sử dụng vào vào hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với hành vi của anh Trần Văn M cho Lê Thị O mượn 01 chiếc xe mô tô biển số 60B7 – 768.37, nhưng anh M không biết bị cáo O sử dụng vào hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Văn H4 bán 01 chiếc xe mô tô biển số 59D1 – 917.93 cho Trần Thị T, nhưng anh H4 không biết bị cáo T sử dụng vào hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với hành vi của chị Lê Thị Thúy H1 là nhân viên lễ tân của Khách sạn Ban Mê X, nhưng chị H1 không biết các bị cáo đã bàn bạc kế hoạch việc thực hiện

hành vi phạm tội tại khách sạn. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 174 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Áp dụng:

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thị T**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 25/8/2023 đến ngày 20/10/2023.

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân V**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 25/8/2023.

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim A:** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 25/8/2023.

+ Các điểm a, Khoản 2 Điều 174; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Thị O**: 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 25/8/2023.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[2.1] Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Visoion, màu xanh, biển số 59D1 – 917.93, dung tích xi lanh 108cm^3, số khung RLHJF5806EY023120, số máy JF58E0023210 là tài sản của bị cáo Trần Thị T; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu Đen – Bạc, biển số 60B1 – 533.44, dung tích xi lanh 108cm^3, số khung RLHJF330XCY078579, số máy JF33E0078616 là tài sản của bị cáo Nguyễn Xuân V.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu trắng, số Imei 357272092319650 là tài sản của bị cáo Trần Thị T sử dụng vào hành vi phạm tội; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32, màu xanh, số Imei 352473676678744 của bị cáo Lê Thị O sử dụng vào hành vi phạm tội.

[2.2] Trả lại cho các bị cáo O, Kim A và V: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353102116449478 của bị cáo Lê Thị O; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S, màu đen, số Imei 869347032049319 của bị cáo Nguyễn Thị Kim A; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei 353159117191699 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen, số Imei 352982099356555 của bị cáo Nguyễn Xuân V.

[2.3] Tịch thu, tiêu huỷ: 04 hộp giấy màu xanh có ghi tên thuốc là "Phong Quế Chi học khoa học 103" "Phong Quế C1 học khoa học 108" "Phong Quế Chi V1 khoa học 103", bên trong có các hạt Ý Dĩ và Táo đỏ khô là sản phẩm do bị cáo tự làm ra, không có giá trị sử dụng.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/4/2024 giữa Công an thành phố B với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B)

[3] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Trần Thị T đã đại diện cho các bị cáo, tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 9.900.000 đồng cho bà Phạm Thị D, bà D đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Xuân V, Lê Thị O và Nguyễn Thị Kim A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Bị cáo;
- Cơ quan THAHS;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh